

# SỞ KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ

## QUYỂN 3

### PHẨM THỨ HAI: QUÁN KHÔNG

Nói quán không là dùng diệu tuệ vô tướng chiếu cảnh của vô tướng. Nội ngoại đều tịch, duyên, quán đều không, cho nên nói là quán không phẩm. Lại nữa, phàm phu thì không biết; ngoại đạo thì vọng thủ; nhị thừa thì vui trệ. Nay Bồ-tát lấy chánh trí Bát-nhã quán không phi không; vượt khỏi phàm thánh, cho nên nói là quán không. Lại nữa, phàm phu dính mắc hữu nhị thừa dính mắc không, Bồ-tát thì xả hữu mà lại quán không. Vả lại, quán tức là năng quán, không có sở quán; năng, sở đều không; chơn tri kiến Phật. Cho nên đoạn văn sau nói: “Kiến cảnh, kiến trí phi thánh kiến”. Sáu phẩm sau đây gọi là chánh thuyết. Đại ý chia làm bốn phần: Ba phẩm đầu nói về Nội Hộ. Hộ Quốc có một phẩm nói đến là Ngoại Hộ. Phẩm Tấn Hoa là nói về báo ân cúng dường. Phẩm thọ trì nói về hoãn, kinh Tướng Mạo phần đầu văn lại có hai phần nhỏ: 1. Lược khai hai hộ. 2. Hỏi đáp giải thích.

Văn phần nhỏ một lại có bốn phần: 1. Biết thỉnh ý. 2. Lược chánh khai. 3. Khuyến phát ba tuệ. 4. Hoan hỷ cúng dường. Ở đây là phần đầu. “Bấy giờ, Phật bảo đại chúng...”: nghĩa là chỗ dạy đã có đủ cơ, mười sáu đại Quốc vương có ý muốn hỏi nhân duyên hộ quốc độ; đó là gốc rễ sinh ra đoạn kinh văn Ngoại Hộ và phẩm Hộ Quốc.

Từ câu: “Ta nay trước tiên vì...” là phần hai, chánh lược khai hai hộ đó là nhân quả, là hộ nhân duyên Phật quả mà sinh ra phẩm này. Hộ nhân duyên thập địa hạnh thì sinh phẩm Tấn Hoa. Thập địa hạnh là hộ cái nhân.

Hỏi: Vua chỉ xin nhân duyên hộ quốc; vì sao Phật lại thuyết nhân duyên quả hộ Phật trước?

Đáp: Nhân tình thô thiển, diệu lý khó biết. Vua tuy thô tình chỉ xin một, nhưng Phật thô diệu đều ban cho. Lại nữa, nếu chỉ nói về Hộ Quốc,

để cho quốc độ được an lạc, thì càng tăng thêm sự kiêu mạn! Vì vậy mà Phật thuyết nhân quả xuất thế, để chán tục mà vui nhập vào chơn. Vả lại thông thường, đòi ít là lẽ của đê tử cho nhiều là pháp của người làm thầy. Đòi ít là biểu thị cho bất tham cho nhiều là biểu thị không keo kiệt. Đòi ít mà cho nhiều là biểu thị cho chí của từ bi dặt dấn.

Từ câu: “Hãy lắng nghe! Lắng nghe!...” là phần ba, khuyên phát ba tuệ. Lắng nghe khiến sinh văn tuệ. Khéo suy niệm về nó là để sinh tư tuệ. Như pháp mà tu hành để sinh tu huệ.

Từ câu: “Bấy giờ, vua Ba tư nặc...” là phần bốn: Hoan hỷ cúng dường. Vua nói: Thiện, nghĩa là ngôn từ của sự tín thuận. Đại sự nhân duyên vì lẽ đó mà xuất thế. Hiển bày khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. - Pháp Hoa lấy tri kiến Phật làm đại sự. - Hoa Nghiêm lấy pháp giới làm đại sự. Nay kinh Bát-nhã này, lấy nhân quả thành Phật làm đại sự. Danh tự tuy khác nhưng nghĩa là một. Vì vậy mà trí luận nói: Phật thuyết Bát-nhã, vô ương số chúng sanh sẽ nối dòng giống Phật ấy là đại sự. Kinh đại phẩm cũng nói: Tu Bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát-nhã vì đại sự mà khởi. Long Thọ giải thích: Năng phá các đại phiền não của chúng sanh; năng cho đại pháp vô thượng của chư Phật; gọi là đại sự. “Tán Hoa” tiêu biểu cho hành nhân. “Thành Trưởng” tiêu biểu cho đắc quả. “Cái chúng” tiêu biểu cho từ bi, độ vật, che chở, nuôi dưỡng quần sinh.

Từ câu: “Bấy giờ, đại vương đứng dậy tác lễ...” là phần thứ hai hỏi đáp giải thích. Văn có hai phần: Trước hỏi, sau đáp. Phần hỏi có hai: trước tiên nói rõ về tu kinh. Phần tiếp theo từ câu: “Bạch Phật ngôn...” là chánh phát hỏi trong hỏi có hai phần: Một là hỏi quả của hộ, hai là hỏi nhân của hộ.

Từ câu: “Phật nói: Bồ-tát hóa tứ sinh...” là phần hai: Phật đáp. Văn có ba phần lớn: 1. Phẩm này, nói về hạnh lợi tha, đáp câu hỏi thứ nhất. 2. Phẩm giáo hóa, nói về hạnh lợi tha, đáp câu hỏi thứ hai. 3. Phẩm nhị đế nói về chỗ nương của hai hộ.

Trong phần đáp câu hỏi thứ nhất, văn có hai phần: 1. Chánh thích quán không. 2. Từ câu: “Tùng Phật thuyết pháp thời...” là thời chúng đắc ích. Văn phần đáp đầu, có hai phần: Trước là chánh thích, sau là tổng kết. Trong phần chánh thích lại có hai phần: Phần đầu nêu tông chánh thích; phần sau là hỏi đáp, giải thích lại một lần nữa. Văn phần đầu lại có hai phần: 1. Chánh thích. 2. Kết hạnh. Chánh thích lại có hai phần: a. Sở hóa cảnh. b. Năng hóa trí.

Đầu tiên nói tứ sinh là sở hóa cảnh. Cõi trời và địa ngục là hóa

sinh. Súc sinh gồm điểu và long. Đó là tứ sinh (bốn loài). Trong loài người cũng có bốn: Con người hiện nay thì thai sinh. Dâm nữ Am la ba ly từ thấp sinh. Thời kiếp sơ, con người đều hóa sinh...

Từ câu: “Bất quán sắc như...” là phần b nói về trí của năng hóa. Văn có ba phần: 1. Theo pháp. 2. Giải thích. 3. Kết thành. Phần một là lấy theo năm pháp: 1. Năm ấm. 2. Chúng sanh. 3. Phật quả. 4. Bồ-tát.

1. Chơn vọng.

Năm ấm là sở y. Chúng sanh là năng y. Phật là quả. Bồ-tát là nhân. Năm ấm và chúng sanh là vọng. Phật và Bồ-tát là chơn.

Phần một ở đây: Năm ấm là hữu. Như hư không. Nếu thấy sắc, thấy như thì không tránh khỏi bị đoạn, thường. Như tức là đoạn. Sắc tức là thường.

- Nếu quán sắc diệt mới như, đó là kiến của Thông giáo.

- Nếu như tức sắc, đó là kiến của Biệt giáo.

- Nếu biết tất cả pháp tính chơn thật không, vô sinh vô diệt, đồng với chơn tế, ngang bằng với pháp tính, không hai không riêng khác; đó là kiến của Viên giáo. Nay ở đây nói rằng: Bất quán sắc như, là viên kiến.

“Chúng sanh-ngã-nhân như” nghĩa là: Trong năm ấm chúng cùng sinh, gọi là chúng sinh. Ngã là chấp lấy năm ấm làm ngã; giả danh hành giả, gọi là nhân.

“Thường-lạc-ngã-tịnh như” nghĩa là: Năm ấm và chúng sanh ở trên là pháp điên đảo chẳng phải thường-lạc-ngã-tịnh. Nay đặc Phật quả là pháp phi điên đảo là thường lạc ngã tịnh. Tùy phiền não và tận phiền não đều có cái riêng biệt, nhưng tính thường không khác. Nó giống băng tuyết và nước cho nên bảo là như.

Từ câu: “Tri kiến thọ giả...” là nói về Bồ-tát. Có ba phần: 1. Vị. 2. Nhân. 3. Hạnh.

- Vị: Thập tín gọi là tri. Thập giải, thập hạnh gọi là kiến. Hưởng đến địa gọi là thọ giả. Tuy có ba thứ riêng biệt nhưng cùng một như.

“Bồ-tát như” là phần hai, nói về nhân như.

Từ câu: “Lục độ...” là phần ba, nói về hạnh như.

Hỏi ngài Tịnh Danh rằng: Tất cả chúng sanh đều như. Tất cả pháp cũng như. Chúng thánh hiền cũng như. Cho đến Di lạc cũng như; thì có khác gì với bây giờ?

Đáp: Kia là chơn không, đây là diệu hữu.

Hỏi: Chơn không, diệu hữu là sao?

Đáp: Động tức tịch chơn không. Tịnh tức động, diệu hữu. Vì chơn

không cho nên phi thường vì diệu hữu, cho nên phi đoạn. Chơn không thì bất trụ sinh tử diệu hữu thì bất trụ Niết-bàn. Vì diệu hữu cho nên năng khởi đại bi; vì chơn không cho nên năng sinh đại từ.

Hỏi Tịnh Danh rằng: Tất cả đều như. Ở đây lại nói bất quán sắc như là sao?

Đáp: Nếu thiên về quán, tất cả đều như thì vẫn trở lại là đoạn. Nếu bất quán như thì trở lại là thường. Tịnh Danh nói: Như khiến cho lìa thường kiến. Ở đây nói bất quán là khiến lìa đoạn kiến. Hai kiến đã lìa, thì trung đạo tự nó đã rõ vậy!

Hai đế như là nói về chơn và vọng. Thế đế là vọng. Xuất thế là chơn.

Từ câu: “Vì vậy, tất cả pháp tính...” là phần hai giải thích. Văn có ba phần: 1. Giải thích. 2. Hội thông. 3. So sánh. Ở đây là phần một. Tất cả pháp tính là chơn hữu. Chơn thật không là chơn không. Vì chơn không cho nên không đến vì chơn hữu cho nên không đi. Không đi thì vô diệt, không đến thì vô sinh. Đã vô diệt vô sinh thì ai phạm ai Thánh? Đã vô phạm - Thánh thì ai luận quán với bất quán?

Từ câu: “Đồng chơn tế...” là phần hai, hội thông. Chơn tế vẫn trở lại là chơn không. Pháp tính vẫn trở lại là diệu hữu. Một sắc một hương đều là như vậy. Cho nên bảo là “Đồng đẳng”.

“Như hư không” là phần ba, so sánh trong không chẳng lẽ lại có năm ấm, chúng sanh, Bồ-tát, chư Phật? Chẳng lẽ lại có thế đế, chơn đế, sinh diệt, đến, đi nữa sao? Sợ người mê không hiểu cho nên nêu ra dụ này để so sánh.

Từ câu: “Vì vậy mà ấm nhập giới...” là phần ba kết thành. Vô ngã là kết ấm nhập giới, chúng sanh,... như. “Vô sở hữu tướng” là kết Phật Bồ-tát và tri kiến thọ giả đẳng như.

Từ câu: “Ấy là Bồ-tát...” là phần hai kết hạnh. Kinh kim cang nói: Tất cả hiền thánh đều do vô vi pháp mà có sai biệt; tức đồng với đoạn văn này vậy!

Từ câu: “Bạch Phật ngôn...” là phần hai, hỏi đáp giải thích lại. Văn có hai phần: 1. Nói về ba Bát-nhã giáo. 2. Nói về y giáo phát quán. Ở đây là phần 1. Ba Bát-nhã tức là ba biệt. Ở trong phần đầu; nói về thật tướng Bát-nhã thì trước hỏi, sau đáp. Như trên đã nói: Bất quán sắc như. Nay ý hỏi là: Nếu nói đó là Bồ-tát hạnh hóa thập địa khiến các pháp đều không thì Bồ-tát hóa những hạng chúng sinh nào?

Từ câu: “Đại vương! Pháp tính sắc...” là phần hai: Đáp. Văn có hai phần: 1. Chơn thì vô hóa. 2. Tục thì hữu hóa. Phần một có bốn phần: 1.

Cảnh. 2. Quán. 3. Trưng. 4. Thích. Ở đây là phần một. Năm ấm là cảnh của Bồ-tát địa tiền. Thường lạc ngã tịnh là cảnh của Bồ-tát địa thượng. Có người nói: Bất trụ sắc là để ngăn chặn trụ sắc. Bất trụ phi sắc là để ngăn chặn trụ không. Bất trụ phi phi sắc là ngăn chặn cả trụ không và trụ hữu. Lại nữa, bất trụ sắc là ngăn chặn trụ sắc ấm bất trụ phi sắc là ngăn chặn trụ bốn ấm bất trụ phi phi sắc là ngăn chặn trụ năm ấm. Lại nữa, bất trụ sắc là để ngăn chặn trụ sắc pháp bất trụ phi sắc là để ngăn chặn trụ tâm pháp bất trụ phi phi sắc là để ngăn chặn trụ phi sắc phi tâm pháp. Vả lại bất trụ sắc, bất trụ hữu bất trụ phi sắc, bất trụ không bất trụ phi phi sắc, bất trụ không không. Cho nên Tịnh Danh nói: “Không bệnh cũng không.” Nay giải rằng: Nói cho đầy đủ thì phải nói: Bất trụ sắc, bất trụ phi sắc, bất trụ vừa sắc vừa phi sắc, bất trụ phi sắc phi phi sắc. Trong đó lược bớt hai chữ “Phi sắc” trong câu thứ ba và câu thứ tư. Vì sắc tức không, cho nên bất trụ sắc. Vì không tức sắc, cho nên bất trụ phi sắc. Vì sắc và không là không hai mà hai; cho nên bất trụ vừa sắc vừa phi sắc. Vì sắc và không là hai mà không hai; cho nên bất trụ phi sắc phi phi sắc.

Tiếp theo là liệt kê bốn ấm. Ở trên “Phi phi trụ” nói là “Bất trụ”. Nay ở đây nói phi bất trụ, chỉ vì lấy bất trụ làm trụ; tức trụ vô sở trụ. Kinh kim cang cũng nói: “Nên vô sở trụ mà sanh tâm ấy.”

“Vì sao vậy?” Là phần ba: Trưng.

Ý rằng: Vì sao đã nói trụ lại còn nói bất trụ?

Từ câu: “Phi sắc như...” là phần bốn: Giải thích. Bởi phi sắc như cho nên không thể nói một cách chắc chắn là trụ sắc. Bởi phi phi sắc như, cho nên không thể nói một cách chắc chắn là trụ phi sắc.

Từ câu: “Bởi thế đế...” là phần nói về tục thì hữu hóa. Văn có bốn phần: 1. Bởi hai duyên cho nên thấy có chúng sanh để hóa. 2. Kết thành nghĩa vô chúng sanh trên. 3. Hai kiến tà và chánh đều là kiến. 4. Kết thành chánh kiến. Ở đây là phần một. Nói “Thế đế”: Đế có ba loại: 1. Sắc đế. 2. Tâm đế. 3. Không đế. “Ba giả” đó là pháp giả, thọ giả, danh giả. Trong ba giả đó, chẳng phải như trong thành thật luận đã nói vì không có Tạng giáo. “Danh kiến chúng sanh” bởi thế đế và ba giả, cho nên có chúng sanh để hóa độ. Bởi tất cả sinh tánh thật là phần hai, phần kết thành nghĩa trong chơn đế không có chúng sanh trên. Tất cả chúng sanh tức tướng của Niết-bàn không còn cần diệt, cho nên bảo là thật.

Từ câu: “Cho đến chư Phật...” là phần ba nói hai kiến tà và chánh đều là kiến.

- Tam thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

- Thất hiền là bảy phương tiện.
- Bát thánh là bốn quả, bốn hưởng.

- Sáu mươi hai kiến thì giải thích khác nhau. Theo đại luận thì ở trên năm ấm đều tác bốn câu. Ở sắc ấm thì cho quá khứ sắc thân và thế gian thường là sự thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Ba câu về vô thường,... cũng vậy. Các ấm khác cũng vậy; thành ra hai mươi kiến. Hiện tại hữu biên, vô biên,... trải trên năm ấm thì có hai mươi kiến. Sau khi chết, như đi, như không đi, cũng có hai mươi kiến. Thành ra sáu mươi kiến. Thân và thân là một, thân và thân là khác; hợp thành sáu mươi hai kiến.

Từ câu: “Đại vương! Nếu cho danh, danh kiến...” là phần bốn, kết thành chánh kiến. Nếu biết các pháp chỉ có giả danh thì danh đó làm kiến. Chẳng giống với người đời là kiến tất cả pháp.

Từ câu: “Bạch Phật ngôn...” là phần nói về quán chiếu Bát-nhã. Văn có hai phần: Trước hỏi, sau đáp.

Ý hỏi rằng: Hữu pháp đã chẳng phải là đại thừa, thì làm sao để chiếu? Đó là từ câu văn: “Phi phi kiến tất cả pháp” mà sinh ra thắc mắc này.

Từ câu: “Đại vương! Ma-ha diễn...” là phần đáp văn có hai phần trước là tóm lược, sau là chi tiết. Phần trước, ý đáp rằng: Đại thừa kiến là thấy pháp chẳng phải pháp. Vì pháp của các sắc là không.

Từ câu: “Pháp nếu phi phi pháp...” là phần giải đáp chi tiết. Văn có hai phần: 1. Giải thích chi tiết. 2. Nói về cái trí năng quán song chiếu không và hữu. Văn phần một, lại có hai hai phần: Trước là nói về pháp không tính không. Phần tiếp theo là thông qua pháp để tỏ không. Ở đây là phần trước rằng: Pháp nếu đã là phi phi pháp thì gọi là pháp không.

“Pháp tính không” tính vốn nếu bất không, thì không thể khiến nó đắc không; vì bởi tính vốn tự không, cho nên các pháp đều không.

Từ câu: “Sắc, thọ, tưởng, hành...” là phần sau; thông qua pháp để tỏ không. Văn có hai phần: Trước là tỏ cái chính; sau là giải thích thành nghĩa không. Đây là phần trước. Theo sáu môn để tỏ không. Đại luận nói: Năm ấm không là quả báo không. Mười hai nhập không là thọ dụng không. Mười tám giới không là tính biệt không. Nguyên do là bệnh khác nhau, cho nên nói ba loại khác nhau. Vì si tâm số mà nói năm ấm; vì si sắc mà thuyết mười hai nhập. Vì si sắc tâm mà nói mười tám giới.

“Sáu đại” gọi là biến đáo không. Kinh A-hàm nói: Sáu vua tranh đại: Địa nói, Ta có thể làm thấm nhuần, Hỏa nói, ta có thể đốt sáng; phong nói, ta có thể sinh chuyển động; không nói, Ta có thể dung chứa;

thức nói, nếu không có Ta, sắc liền bị bại hoại. Sáu thứ tuy là đại, nhưng thức mới là chủ, cho nên bảo bốn loại đại vây bọc không và thức ở giữa.

Tứ đế là cảnh không, nhân duyên là nghĩa không. Từ câu: “Pháp ấy...” là phần giải thích thành nghĩa không. Văn có hai phần: Phần đầu là thức ấm, phần sau liệt kê bốn uẩn và các pháp. Văn phần đầu có bốn phần:

1. Nêu tông.
2. Loại thích.
3. Trưng cật.
4. Thích thông.

Ở đây là phần một. Vì trong sắc pháp có năm nghĩa, cho nên không. “Tức sinh, tức trụ, tức diệt”: Theo các sư tiểu thừa nói: Trước là sinh, tiếp nữa là trụ, sau cùng là diệt. Hoặc lại nói: Sinh và trụ cùng một lúc. Nếu vậy thì không tránh khỏi sự thắc mắc. Vì sao? Nếu cho rằng trước sinh, sau là trụ cuối cùng là diệt thì khi sinh không trụ, vì sinh là trước! Nếu không có trụ thì làm sao có sinh? Vì trước đã không trụ, trụ ở sinh đó mà sinh bất đắc trụ tức vô sinh vậy! Nếu trước trụ, không có sinh tức cũng vô trụ, bởi vô nhân. Nếu trước sinh có trụ thì sinh và trụ cùng một lúc. Nếu sinh đã diệt, mới có trụ, thì trụ chẳng phải nhờ sinh mà có. Chấp vào đó mắc lỗi cho là khác. Nếu sinh và trụ cùng một thời thì nhân và quả cùng một thể, sinh tử một tướng. Chấp vào đó thì bị mắc sai lầm cho là một. Nay ở đây: “Tức sinh, tức trụ, tức diệt” khác với hai thuyết trên. Vì thể của các pháp trong từng niệm trôi dời không ngừng nghỉ; chính lúc sinh ấy cũng tức là lúc trụ lúc diệt. Cho nên Tịnh Danh nói: “Ông nay tức thời cũng sinh cũng lão cũng diệt”. “Tức hữu tức không.” Nghĩa là: Sắc tính tự không, chẳng phải sắc hư hoại rồi mới không!

Từ câu: “Sát-na, Sát-na” là phần hai: Loại thích, nói rõ trong từng niệm đều là không, giống với năm điều kể trên. Sát-na là khoảng thời gian cực ngắn...”

“Vì sao?” là phần ba: Trưng cật. Ý rằng: Sinh và diệt trái ngược nhau, sao lại nói tức sinh, tức trụ, tức diệt?

Từ câu: “Chín mươi Sát-na...” là phần bốn: Thích thông. Lấy chín mươi Sát-na làm thành một đại niệm một Sát-na trong một niệm lại có chín trăm sinh diệt. Vì vậy mà khi sinh tức có trụ, diệt. Lại nữa, chín mươi Sát-na làm thành một niệm, một Sát-na trong một niệm, trải qua chín trăm lần sinh diệt. Một niệm có chín mươi Sát-na, tổng cộng có



tám vạn một ngàn lần sinh diệt, lấy sinh diệt nhiếp Sát-na, Sát-na nhiếp một niệm, cứ như vậy mà tâm pháp bất khả đắc, điều đó đã chứng minh rõ là tâm không. Lấy bốn đại phân chia các căn, các căn cũng bất khả đắc! Lấy bốn vi phân chia bốn đại thì bốn đại bất khả đắc! Lấy thô vi phân chia vi, thì bốn vi bất khả đắc! Lấy cực vi phân thô vi, thì thô vi bất khả đắc! Suy sắc cho đến cực vi, cùng tâm tận ư sinh diệt; thì sắc tận, tâm cùng khoát nhiên vô trụ. Cái trụ của vô trụ, không thể gọi tên nó được, gượng gọi là không. Tức là hộ Phật quả thuộc Tạng giáo.

- Nếu kiến sắc, sắc không kiến tâm, tâm không vô đắc, vô trụ đó là hộ Phật quả thuộc Thông giáo. - Nếu thấy hai pháp sắc và không, phi nhất phi dị. Rộng lớn như pháp giới; rốt ráo như hư không dung chứa và che đậy tương xứng với nhau; đó là hộ Phật quả thuộc Biệt giáo. - Nếu thấy hai pháp sắc và tâm, xưa nay vốn không tịch, bất động, bất trụ, bất sinh, bất diệt; đó là hộ Phật quả thuộc Viên giáo.

Từ câu: “Cho đến sắc,...” là phần hai loại thích. Bốn ấm và các pháp, cũng tức sinh, tức diệt, tức hữu, tức không.

Từ câu: “Vì Bát-nhã Ba-la-mật không, cho nên,...” là phần thứ hai nói về trí năng quán song chiếu không và hữu. Văn có hai phần, phần trước nói về quán chiếu phần sau nói về đắc thất. Phần trước lại có hai phần: Chiếu không và chiếu hữu. Chiếu không thì vô tướng, chiếu hữu thì hữu tướng. Vô tướng chẳng phải chỉ có vô sở chiếu, mà cũng vô năng chiếu, chiếu cái vô sở chiếu. Trong kinh đại phẩm gọi đó là chơn thật Bát-nhã. Hữu tướng thì tiếp biệt phàm thánh vô lượng giáo môn. Trong đại phẩm kinh gọi là Tương tự Bát-nhã. Trong phần nói về chiếu không, lại còn có hai phần riêng biệt: Phần đầu nói rõ về tướng của chiếu. Vì trong trí Bát-nhã không có một tí nào thật pháp, cho nên chiếu tất cả pháp không.

Không thấy duyên là mười hai nhân duyên không.

Không thấy đế là pháp tứ đế không.

Cho đến tất cả pháp không nghĩa là sáu đại pháp không. Nói bất kiến là quán các pháp không, cho nên bảo là bất kiến; chứ chẳng phải bất chiếu là bất kiến. Vì vậy mà kinh nói: Phi kiến và kiến gọi là tất cả chơn thật pháp.

Từ câu: “Nội không...” là nói rõ sự không. Phân tể có mười hai loại. Đại luận có mười tám không. Luận hỏi rằng: Nếu ít thì một không, nếu nhiều thì phải vô lượng. Vì sai nay chỉ có mười tám không? Ngài Long Thọ đáp: “Nếu lược thì sự không đầy đủ; nếu chi tiết tỉ mỉ thì sự rườm rà khó hiểu.” Như uống, thuốc ít thì bệnh không lành, nhưng uống



nhiều thuốc quá thì bệnh lại càng nặng! Nay nói về không cũng như vậy. Nói ít thì không thể phá tà kiến. Nói nhiều thì càng thêm rộng! Kinh này tùy thời mà trị bệnh, không nhiều không ít, chỉ có mười hai không.

1. Nội không nghĩa là sáu nhập bên trong không có thần ngã.  
2. Ngoại không là sáu trần bên ngoài, không có ngã sở.  
3. Nội ngoại không là căn và trần hợp quán, không có ngã và ngã sở.

4. Hữu vi không là sắc tâm hòa hợp, sanh các ấm-giới-nhập... đều là vô sở hữu.

5. Vô vi không là hư không diệt số. Phi số diệt không.

6. Vô thủy không là ngoại đạo lấy mình sơ làm sự khởi đầu, để phá kiến đó, cho nên gọi là vô thủy không.

7. Tánh không là các pháp vốn vô, người mê hoặc cho là hữu, dẫn đến chấp trước, rằng tính Như Lai, quyết định chắc chắn là có để phá kiến ấy cho nên bảo là tính không. Vì vậy kinh nói: Nhân không, vô ngã, vô ngã sở. Vì sao? Vì tính tự nó vậy! Cho đến ý cũng như vậy. Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm nói: Quán nhân vô sinh vô tự tính; thức không, tịch diệt không có gì cả!

8. Đệ nhất nghĩa không, nghĩa là vốn không thế đế; thế đế không có, đó cũng là không!

9. Bát-nhã Ba-la-mật không thì theo đại kinh nói: Đại không là Bát-nhã không. Bát-nhã nói: Mười phương thấy đều không, gọi là đại không.

10. Nhân không là lục độ không.

11. Quả không là Bồ-đề Niết-bàn không.

12. Không không đại luận nói: Lấy các không để phá các pháp nội ngoại. Rồi lấy không đó để phá các không; ấy gọi là không không. Lại nữa, lấy không để phá hữu, các hữu là không. Nếu chấp không cho là đúng, thì cần phải lấy các không không đó để phá nó.

Từ câu: “Chỉ vì pháp tập, cho nên hữu...” là phần hai nói về chiếu hữu. Văn có ba phần: 1. Dùng ba giả môn để tỏ hữu. Như trên nói: Vì nhân tập mà hữu... 2. Dùng tứ đế môn để tỏ hữu. Nhân tập và nhân của sinh tử, tức khổ đế. Thập hạnh tức đạo đế. Từ thập tín tâm cho đến thập địa, mỗi thứ đều có mười loại hạnh môn. Phật quả là Niết-bàn, tức diệt đế. “Cho đến tất cả hữu trong lục đạo” là phần ba, dựa vào hai mươi lăm hữu trong đạo để nói rõ về hữu.

Từ câu: “Thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát...” là phần thứ hai, nói rõ về sự đắc thất. Văn có hai phần: 1. Tà quán là thất. 2. Chánh quán là đắc. Ở đây là phần một. Nếu Bồ-tát phát tâm hành học Bát-nhã mà thấy có pháp, có chúng sanh, có ngã, nhân, tri kiến; thì chẳng khác gì phàm phu ở thế gian!

Từ câu: “Với các pháp, nhưng bất động...” là phần hai, nói về chánh quán. Văn có hai phần: 1. Nói rõ về hạnh. 2. Nói rõ về vị. Ở đây là phần một. Nói bất động tức sắc là không, ngay ở sắc là không chứ chẳng phải phân chiết sắc rồi mới không. Bất đáo như kinh đại phẩm nói: Pháp bình đẳng, tất cả thánh nhân đã không thể đến được! Tu Bồ-đề bạch Phật: Chẳng lẽ các thánh khác cũng không đến? Vì sao Phật cũng không đến? - Phật nói: Cho đến Phật cũng không đến! Vì sao? Phật tức bình đẳng. Bình đẳng tức Phật. Phật và bình đẳng không hai; cho nên không đến. Nói bất diệt nghĩa là không tức là sắc. Nói vô tướng nghĩa là sắc không, không sắc đều vô tướng. Nói vô vô tướng là vô tướng cũng vô! Phần sau đó là liệt kê các pháp.

Từ câu: “Ấy tức sơ địa...” là phần hai nói về vị. Văn có hai phần: phần đầu nói rõ chánh quán phần sau tỏ bày thuyết xứ. Văn phần đầu có ba phần: 1. Vị. 2. Danh. 3. Dụng. Ở đây là phần một. Nói nhất niệm nghĩa là: từ hồi hưởng thứ mười trong một niệm dùng tuệ Bát-nhã tức có sơ địa; lúc ấy sẽ đầy đủ tám vạn bốn ngàn độ. Theo kinh hiền kiếp, thì bắt đầu từ quang diệu độ, cuối cùng đến phân bố xá lợi độ. Hợp lại có ba trăm năm mươi công đức môn, mỗi một công đức đều tu sáu độ, tức hai ngàn một trăm độ. Lại đem hai ngàn một trăm độ đối trước mười pháp, đó là bốn đại sáu suy lại đối trước mười thiện, mỗi một đều có hai ngàn một trăm tức hai vạn một ngàn. Lại đem hai vạn một ngàn đối trước bốn loài chúng sinh, các phần ba độc, đa tham, đa sân, đa si mỗi thứ đều có hai vạn một ngàn; hợp lại tức tám vạn bốn ngàn độ.

Từ câu: “Tức tải danh...” là phần hai tập trung ở danh để tỏ chánh quán. Có bốn nói: “Tức năng vận, gọi là Ma-ha-diễn.” Nghĩa của tải và vận đều giống nhau. Theo thể tức là Bát-nhã, theo dụng tức là đại thừa.

Từ câu: “Tức diệt là kim cang...” phần ba nói theo dụng. Có thể diệt phiền não, như kim cang phá tan đồ vật, nghĩa là một niệm cuối cùng của địa thứ mười. Vì có thể lia sự tán loạn, cho nên gọi là định. Một hạnh ở trong đó có đủ cả vô lượng môn.

Từ câu “Như quang tán...” là phần nói về thuyết xứ.

Từ câu: “Đại vương! Kinh này...” là ba, khen ngợi văn tự Bát-nhã.

Văn có năm phần: 1. Nhiều Phật cùng thuyết. 2. Nêu dụ. 3. Cách lượng. 4. Nêu sự so sánh. 5. Nói về Tướng của tín giải. Ở đây là phần một - Thích luận nói: Một chữ gọi là tự, hai chữ gọi là danh, hai chữ không hợp không thể thành danh. Nếu hợp thuyết đầu tiên đặc là danh, bốn chữ gọi là cú; những điều được giảng giải trong cú thì gọi là vị.

Từ câu: “Ở trong hằng hà sa...” là phần nêu dụ. Trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời mặt trăng, biển lớn, thiết vi là một cõi đại thiên. Như Cát trong sông Hằng, một hạt là một thế giới. Lấy bảy báu chứa đầy ở trong đó để thí cho chúng sanh sẽ dẫn đến đắc tứ quả. Trong đó mang ý nghĩa có hai thí là tài và pháp; nhưng trong văn tựa như là ẩn!

Từ câu: “Bất như...” là phần cách lượng. Tam thuộc vô lậu khởi một niệm tín, hơn hai thí trên. Huống nữa là hiểu được một cú! Đó là phần bốn - nêu sự so sánh. Tín thì không chê bai, giải cho hiểu thì có thể làm lợi cho người; tức là tín cạn mà giải hiển thì là sâu! Đó là nói theo những người độn căn. Như theo kinh Pháp Hoa nói: “Xá lợi phất! Còn với kinh này, nhờ tín mà đắc nhập”. Đó mới là tức tín là giải, là nói theo lợi căn.

Từ câu: “Cú phi cú...” là phần năm, nói về tướng của tín giải. Văn có phần: 1. Văn không. 2. Văn và nghĩa đều không. 3. Nhân và pháp đều không. Ở đây là phần một. Cú là hữu, phi cú là vô. Phi phi cú là phi hữu phi vô. Phi hữu là chẳng phải là hữu cú trước; phi vô là chẳng phải vô cú trước. Lại nữa, cú tức văn tự. Phi cú tức lìa tính của văn tự. Phi phi cú là chẳng phải văn tự trước và kiến về lìa tánh trước.

“Bát-nhã phi cú, cú phi Bát-nhã” là phần hai, nói về văn và nghĩa đều không. “Bát-nhã phi cú” là nghĩa không. “Cú phi Bát-nhã” là văn không. Vì tức văn phi Bát-nhã, tức Bát-nhã phi văn. Lìa văn không có Bát-nhã, lìa Bát-nhã không có văn. Trong văn không có Bát-nhã, trong Bát-nhã không có văn. Cứ như vậy mà tìm cầu lẫn nhau bất khả đắc cho nên tức tự không. Lại nữa văn và Bát-nhã, tự và tha đều cùng lìa, cầu bất khả đắc cho nên không.

Từ câu: “Bát-nhã cũng phi Bồ-tát...” là phần ba, nói về nhân và pháp đều không. Trong văn cũng hợp tổ nhân không, nhưng vì văn lược bớt; tự làm hai phần riêng: 1. Theo nhân vị để biện về pháp không. 2. Theo quả vị để biện về pháp không. Trong phần một có ba phần: Ở đây là phần thứ nhất: Nêu. Bát-nhã là pháp. Bồ-tát là nhân. Trong Bát-nhã mà cầu Bồ-tát thì bất khả đắc. Tức là pháp không. Vì sao? Là phần hai: Trưng. Từ câu: “Thập địa...” là phần ba: Thích. Nếu theo Thông giáo, tức ba ba thừa cùng hành thập địa, thuyết đầu tiên mà trụ cuối cùng.

Nếu theo Biệt giáo tức Bồ-tát thập địa minh đầu tiên trụ cuối cùng.

Từ câu: “Cũng phi Tát-bà-nhã...” là phần thứ hai theo quả để biện về pháp không. Tiếng phạn gọi là Tát-bà-nhã, tiếng Hoa dịch là Nhất-thiết-chủng-trí. Nhất-thiết-chủng-trí tức Phật quả. Phật quả cũng không; cho nên bảo cũng phi Tát-bà-nhã. Ma-ha diễn là thừa, người năng thừa đã không thì pháp sở thừa cũng không.

Từ câu: “Đại vương! Nếu Bồ-tát...” là phần thứ hai; nương giáo phát quán. Văn có hai phần; trước nói về tà quán, sau nói về chánh quán. Ở đây là phần đầu. Kiến cảnh là thấy thật tướng Bát-nhã kiến tri là thấy quán chiếu Bát-nhã. Kiến thuyết, kiến thọ là thấy văn tự Bát-nhã. Chấp những kiến như vậy là vọng tưởng điên đảo của phàm phu, chẳng phải là thánh kiến! Lại nữa, kiến cảnh gọi là kiến trần; kiến trí gọi là kiến kiến thức; kiến thuyết kiến thọ gọi là kiến nhân, vọng chấp như thế thì chẳng phải thánh kiến!

Từ câu: “Kiến tam giới...” là phần thứ hai nói về chánh quán. Văn có hai phần: 1. theo nhân quả tịnh nhiễm để tỏ rõ tướng của không. 2. theo vô thính thuyết để biện về tướng của không. Văn phần một có hai phần nhỏ: phần trước nói về sinh tử không; phần sau biện về Phật quả không. Phần trước lại có hai phần: 1. Chánh minh sinh tử không. 2. Giải thích nguyên do không. Văn phần chánh minh sinh tử không lại có hai phần: Chánh sử không và tập khí không. Phần chánh sử không lại chia hai phần: Phân đoạn sinh tử và biến dị sinh tử. Phần phân đoạn sinh tử lại có ba phần: 1. Quả không. 2. Nghiệp không. 3. Phiền não không. Ở đây là phần quả không. Tam giới là khí thế gian, chúng sanh là giả danh thế gian; quả báo là ngũ ấm thế gian. Nghĩa là tam giới nương theo báo.

Từ câu: “Sáu thức khởi vô lượng dục...” là phần hai; nghiệp không. Vì sáu thức thủ sáu trần, khởi các phiền não, tham dính năm dục; dần dần vô lượng uẩn tích ngậm chứa, gọi đó là tạng. Vì vô tự tính, cho nên gọi đó là không.

Từ câu: “Tam giới không...” là phần ba nói về phiền não không. Gốc của tam giới là một niệm tâm si. Bóng tối ở trước cảnh, gọi là vô minh. Vô minh có đó liền sinh tam giới. Vô minh như đất đai, sinh ra vạn vật, cho nên gọi là gốc.

Từ câu: “Tam địa cứu sinh...” là phần hai, nói về biến dị sinh tử không. Có người nói: Tam địa là: 1. Kiến địa từ mười hồi hướng đến địa thứ ba. 2. Tu địa: Từ địa thứ tư đến địa thứ bảy. 3. Cứu cánh địa: Từ địa thứ tám đến địa thứ mười. Tâm diệt đối với phiền não, gọi là trí duyên

diệt. Phi trí duyên diệt nghĩa là chánh nhân Phật tính, tính vốn tự tịnh, không có phiền não cấu. Chẳng mệt với quán hạnh mà diệt hoặc. Hư không là nơi không có sắc hiện ra.

Từ câu: “Tát-bà-nhã...” là phần kết về quả không.

Từ câu: “Thiện nam tử...” dựa theo không nghe và nói để tỏ rõ không tướng. Trong văn, pháp dụ cho hợp; có thể thấy nghe và nói như hư không. Kinh đại phẩm nói: Nghe như người ảo, nghe nói như người ảo nói cho nên không có nghe và nói. Tịnh Danh nói: Thuyết pháp là vô thuyết vô thị, người nghe pháp đó là vô văn vô đắc, vì pháp đồng với pháp tính. Tịnh Danh nói: pháp đồng pháp tính nên nhập các pháp, vì đó mà nói tất cả đều như.

Từ câu: “Đại vương! Bồ-tát...” là phần tổng kết. Trước tiên là kết về năng hộ thể. Từ hộ Bát-nhã trở đi là phần kết về năng hộ dụng.

Từ câu: “Phật thuyết...” là phần nói về thời chúng đắc ích. Văn có hai phần: Trước là thời, sau là ích. Pháp nhãn tịnh là pháp nhãn trong kiến của sơ địa trở lên, chẳng phải là pháp nhãn trong tiểu thừa. Tính địa đó là mười địa cùng hành của tam thừa. Lược bỏ chín chỉ, nêu một. Tín địa tức là tín thứ tư bất hoại tín trong mười tín của Bồ-tát. Đại không, đại hạnh; tức sơ địa của Biệt giáo. Sở trụ trở lên của Viên giáo, đều gọi là đại không, đại hạnh.

Hỏi: Phật thuyết Bát-nhã, sao lại đắc ích lại khác nhau?

Đáp: Kinh Pháp Hoa nói: Một vùng đất sinh ra nhiều cây khác nhau. Một cơn mưa mà mỗi loài cây cỏ được thấm nhuần khác nhau; bởi gốc rễ của cây to nhỏ khác nhau, tùy loài mà được sinh trưởng khác nhau. Nay thuyết Bát-nhã cũng giống như vậy. Tuy thuyết một pháp mà lợi ích đạt được tự nó có sai khác!

-----

## PHẨM THỨ BA: BỒ TÁT GIÁO HÓA

Ba phẩm đều là nói về nội hộ. Đây là phần thứ hai giải thích hộ thập địa hạnh; tức nói rõ về lợi tha, đáp câu hỏi thứ hai.

Nói: “Giáo hóa phẩm” nghĩa là: Bồ-tát lấy lợi vật làm đức, dạy các chúng sinh lìa tất cả ác; giáo hóa các chúng sinh tu tất cả thiện. Lại nữa, Phật cũng dùng pháp này để giáo hóa chúng sinh, đặc thành Bồ-tát; cho nên bảo là giáo hóa phẩm. Vả lại, lấy pháp này để hóa các Quốc vương khiến cho họ hiểu biết Bát-nhã. Văn phẩm có hai phần: 1. Phát hỏi. 2. Phật đáp. Ở đây là phần một, phần này văn có hai ý: 1. Ghi chép trong phẩm trước, hộ Bồ-tát thập địa hạnh, tức năng hộ nhân. 2. Hạnh nào có thể hành? Chính là từ để hỏi: 1. Hỏi về pháp tự lợi của Bồ-tát. 2. Hỏi về hạnh lợi tha. 3. Hỏi tướng của chúng sanh để hóa. Lại nữa, trong phần hỏi tự lợi, thì nương vào đâu để tu hành? Cho nên lấy năm nhãn để đáp. Trong phần hỏi lợi tha, thì nương vào vị gì để hành? Cho nên lấy thập địa hạnh để đáp. Cuối cùng trong phần hỏi chúng sanh tướng gì để hóa; cho nên lấy huyễn hóa thân kiến. Huyễn hóa chúng sanh mà giáo hóa. Lại nữa, kinh này thuyết thông cả tự và tha, nhưng thuyết về tha là chính. Cho nên đa phần văn nói về hạnh lợi tha. Người dịch kinh này cũng lấy hai chữ giáo hóa để đặt tên phẩm.

Từ câu: “Phật nói: Đại vương!...” là phần Phật đáp. Văn có hai phần: 1. Đáp hai câu hỏi trước. 2. Đáp câu hỏi thứ ba. Văn phần một; lại có ba phần nhỏ: 1. Chánh đáp hai câu hỏi. 2. Dùng kệ tán thán Phật. 3. Như Lai thuật thành. Văn phần nhỏ một lại có hai: 1. Chánh đáp câu hỏi trước kiêm cả lợi tha. 2. Chánh đáp câu hỏi sau kiêm cả tự lợi. Văn của phần một này lại có ba: 1. Lược đáp. 2. Rộng đáp. 3. Tổng kết. Phần lược đáp lại có ba: 1. Nêu số; 2. Liệt kê nhiều danh để bày giáo; 3. Tổng kết. Ở đây là phần một. Sau cùng là kết văn; là chỗ tu hành của chư Phật Bồ-tát. Nay tùy theo câu hỏi mà đáp, cho nên chỉ nói là Bồ-tát pháp. Nhất phục nhãn thượng trung hạ là liệt kê danh. Ba hiền địa tiền chưa đắc vô lậu, chưa thể chứng, chỉ có thể chế phục, không thể đoạn dứt; vì vậy mà thành là trí phục nhãn. Vì có trí cho nên có thể chế phục phiền não. Sơ địa, nhị địa, tam địa, đắc vô lậu tín, cho nên gọi là tín nhãn. Địa thứ tư, năm, sáu, một mực hướng đến vô sinh, gọi là thuận nhãn. Địa thứ bảy, tám, chín các niệm không sinh gọi là vô sinh nhãn. Địa thứ mười, mười một, mười hai đắc quả Bồ-tát gọi là tịch diệt nhãn. Sơ địa đắc vô lậu tín, đó là ý của Biệt giáo. Địa thứ bảy đắc vô sinh nhãn, tức ý của biệt tiếp Thông giáo. Nhưng năm nhãn này, các

kinh nói khác nhau. Nương theo bốn nghiệp thì kinh Anh Lạc nói là sáu tính: 1. Tập chủng tính. 2. Tính chủng tính. 3. Đạo chủng tính. 4. Thánh chủng tính. 5. Đẳng giác tính. 6. Diệu giác tính. Tức là đẳng giác diệu giác của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa. Cũng gọi là bốn mươi hai hiền thánh.

Từ câu: “Danh là chư Phật...” là phần tổng kết.

Từ câu: “Thiện nam tử...” là phần hai, giải thích rộng. Năm nhãn tức là năm biệt. Ba hiền khác nhau trong phục nhãn đầu, tức là ba biệt. Trước tiên là giải thích mười trụ. Văn có năm ý riêng: 1. Phương tiện. 2. Nói về nhập vị. 3. Hiền bày lực dụng. 4. Giải thích sự siêu vượt. 5. Nguyên nhân thành thánh. Ở đây là phần một. Nói phát tướng tín nghĩa là: Ở trong thập tín chưa nhập thập trụ, chưa thấy đạo lý; chỉ có thể tướng tín. Tướng tín nếu thành tức nhập thập trụ. Nói hằng sa; nghĩa là phát tâm nhiều. Đại kinh nói: Như cây Am la, hoa nhiều quả ít; như trứng con cá mẹ lớn, tuy vô lượng nhưng thành tựu lại ít! Nói thế để chỉ cho những chúng sanh muốn tìm bờ châu báu nhưng nửa đường đều thối lui.

Từ câu: “Ở trong tam bảo ...” là phần hai, nói về nhập vị. Ở trong ruộng tam bảo, sinh ra mười tâm đó. Vì nhờ khéo thuận cho nên tín không thối lui, gọi là tiến. Quyết đoạn gọi là tuệ; bất động gọi là định, xả được gọi là thí phòng hộ gọi là giới, không mất gọi là hộ; thượng cầu gọi là nguyện; đến Bồ-đề gọi là hồi hướng.

Từ câu: “Áy vì Bồ-tát...” là phần ba nói về lực dụng. Lấy thập trụ Bồ-đề làm đồng luân vương, vương của hai phương nam và tây gọi là “Ít phần hóa chúng sanh”.

Từ câu: “Đã vượt qua khỏi nhị thừa...” là phần bốn giải thích về sự siêu vượt. Đó là thập tín đại thừa Viên giáo tức ngang bằng với nhị thừa. Thập trụ thì đã đoạn dứt vô minh, vượt qua địa nhị thừa. Nói tất cả thiện nghĩa là thập tín gọi là thiện. Vì vậy mà phần sau của kinh có nói: Bồ-tát thập thiện phát đại tâm, từ biệt mãi mãi biển khổ luân của ba cõi. Nói vượt quá nhị thừa, tức Thanh văn, Duyên giác; nói tất cả thiện địa, tức Bồ-tát thập tín.

Từ câu: “Tất cả chư Phật...” là phần năm, nói về nhân thành thánh. Mười tâm là nhân, chư Phật Bồ-tát là duyên. Nhân và duyên hòa hợp mà thành thai của thánh; tức lấy một tâm ba quán của trung đạo làm hạt giống, đoạn dứt một phẩm vô minh liền thấy Phật tính mà thành thánh thai.

Từ câu: “Thứ đệ khởi càn tuệ...” là phần thứ hai nói về thập hạnh.



Có bản viết là: “Lại nữa, thiện nam tử.” Ở đây thì theo “Thứ đệ” mà giải thích. Văn có bốn phần: 1. Nói về vị. 2. Biện về thể. 3. Nói về hóa tha. 4. Giải thích lia hoạn. Ở đây là phần một nói về vị; tức nhấn thứ hai trong ba nhấn. Hạ phục nhấn ở trước là văn tuệ. Trong phục nhấn ở đây là tư tuệ. Nói “Càn tuệ” là không có nước Định; cho nên chỉ nói là tư tuệ mà thôi. Chữ “Ngàn” trong kinh là sai. Trong kinh An Lạc nói có sáu tính, còn gọi là sáu tuệ. Nói sáu tính đó là: Tập chủng, tính chủng, đạo chủng, thánh chủng, đẳng giác, diệu giác. Nói sáu tuệ là: Văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, vô tướng tuệ, chiếu tịch tuệ và tịch chiếu tuệ. Tập đã thành tính, gọi là chủng tính. Có mười tám là nêu chung về con số của chúng.

Từ câu: “Gọi là bốn ý chỉ...” là phần biện về thể. Văn có ba phần: Ở đây là phần một; nói về tứ niệm xứ. Ý chỉ là nhờ trí tuệ làm cho tâm chỉ trụ. Ý tức là tâm vương. Thân thọ tâm pháp là nói về cảnh của sở quán. Bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã là thể của năng quán. Quán thân bất tịnh để trừ tịnh đảo điên. Quán thọ là khổ để trừ lạc đảo điên. Quán tâm vô thường để diệt thường đảo điên. Quán pháp vô ngã để trừ ngã đảo điên.

Từ câu: “Ba ý chỉ...” là phần nói về ba thiện căn. Nhờ từ mà vô sân; nhờ thí mà vô tham; nhờ tuệ mà vô si.

Từ câu: ““Ba ý chỉ...” là phần ba, nói về nhấn ba đời. Tâm duyên với vô minh và hành thời. Quả khứ gọi là nhân nhấn. Năm quả hiện tại và ba nhân hiện tại; gọi là nhân quả nhấn. Hai quả vị lai gọi là quả nhấn. Vả lại, với tất cả pháp, đều có ba thứ đó. Ví như hạt giống chỉ là nhân. Như nắm cô hồ vừa nhân vừa quả. Cái có thể làm ra quả là nhân. Thật sự kết thành chủng là quả. Các chủng chỉ là quả, chẳng phải nhân; đó là dựa theo một thời ba đời mà luận.

Từ câu: “Bồ-tát ấy cũng có thể hóa...” là phần nói về hóa tha.

Từ câu: “Đã có thể vượt qua...” là phần lia hoạn. Văn thì trước tiên là nói rõ về lia nội hoạn; tức “ngã, nhân, tri, kiến...”

Từ câu: “Và ngoại đạo...” là phần tiếp theo nói về lia ngoại hoạn.

Từ câu: “Lại có mười...” là phần nói về mười hồi hương. Có bản viết: “Lại nữa, thiện nam tử! Tu hành thượng phục nhấn, tiến nhập vào đạo bình đẳng; gọi là đạo chủng tính địa”. Văn có bốn phần. Ở đây là phần đầu: Nêu vị nghĩa là muốn nhập sơ địa, có thể cùng với thánh đạo làm làm nhân cho tính. Cho nên gọi là đạo chủng tính.

Từ câu: “Đó gọi là quán sắc...” là phần xuất thể. Văn có ba phần: 1. Nói về năm nhấn. 2. Hiện bày ba nhấn. 3. Lại biện về hai nhấn. Ở

---

đây là phần một - Liệt ra năm ấm, là pháp sở quán. Từ câu: “Đắc giới... trở đi, là trí năng quán. Nhờ quán sắc ấm, liền đắc giới nhãn. Nhờ tác vô tác giới đều là sắc ấm. Đúng theo văn kinh này, thì tác vô tác giới đều là sắc nhiếp. Nhờ quán thức ấm mà đắc tri kiến nhãn. Nhờ phân biệt rõ ràng thức và tri kiến mà văn loại tương tự. Quán tướng ấm mà đắc định nhãn. Nhờ từ đảo tướng mà có thể nhập vào định. Như trời của cõi vô sắc, do tướng mà thành. Quán thọ ấm, đắc tuệ nhãn. Nhờ nương vào thọ mà lập cõi trời tứ thiên. Do ở thiên mà có thể phát trí tuệ. Quán hành ấm mà đắc giải thoát nhãn. Nhờ hành vô thường cho nên đắc giải thoát nhãn.

Hỏi: Vì sao sau sắc lại thuyết thức?

Đáp: Bốn ấm đều do tâm làm chủ; do thức phân biệt ở sắc; do sắc nên thức mới hành được. Vì nghĩa tương sinh với nhau mà nói như vậy. Từ câu: “Quán ba cõi...” là phần hai nói về ba nhãn. Nhờ quán khổ quả ở ba cõi không, mà đắc không nhãn. Quán nhân của ba cõi không mà đắc vô nguyên nhãn; bởi lấy phiền não nghiệp làm tập đế. Quán nhân giả ba cõi không, cho nên đắc vô tướng nhãn. Chứng nhân quả không, thành vô tướng quán.

Từ câu: “Nhị đế hư thật...” là phần nói về hai nhãn. Nhờ quán tục đế là pháp hữu vi, mà đắc vô thường nhãn. Quán chơn đế là pháp vô vi, cho nên đắc vô sinh nhãn. Vô thường nhãn tức tiểu thừa tạng giáo. Vô sinh nhãn tức đại thừa Thông giáo.

Từ câu: “Mười kiên tâm của Bồ-tát ấy...” là phần ba nói về nhiếp hóa. Nhờ đạo chủng tính mà đạo Bồ-tát làm luân vương. Hóa bốn thiên hạ. Và lại mười kiên tâm, tức kết từ năm nhãn, ba nhãn, hai nhãn ở trên thành ra mười kiên.

Từ câu: “Sinh tất cả thiện căn chúng sanh...” là phần bốn nói về thắng dụng.

